TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2024/DS-PT
Ngày: 25 -7- 2024
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

- Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường và ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1244/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: ông Hồ Đức H, sinh năm: 1993; địa chỉ: thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Nguyễn Khắc D - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH D và Cộng sự; địa chỉ: thành phố Hà Nội; có mặt.

2- Bị đơn: ông Văn Đức T, bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị N, anh Hồ Sỹ Đ, anh Hồ Ngọc L, anh Hồ Quang V; cùng địa chỉ: thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, anh Đ, anh L, anh V: ông Hồ Đức H; địa chỉ: thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3.2. Ông Hồ Đình P; địa chỉ: thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3.3. Ông Hồ Ngọc Vũ H và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (ông H có mặt, bà H vắng mặt).

3.4. UBND huyện K; địa chỉ: TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Ngọc T, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện K:

- Ông Phan Thanh B, chức vụ: Chủ tịch UBND xã E, huyện K; vắng mặt

- Ông Cao Thanh D, chức vụ: Công chức địa chính xã E, huyện K; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình N, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

4- Người kháng cáo: ông Văn Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Đức H trình bày:

Năm 1998 bố mẹ tôi là ông Hồ K (đã chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị T (đã chết năm 2019) có khai hoang được lô đất và thuê máy múc thành cái hồ nước hiện nay thuộc thôn G, xã E, huyện K, mục đích để lấy nước phục vụ sản xuất. Năm 2006 bố tôi tiếp tục thuê máy múc mở rộng hồ, diện tích đất khai hoang và múc hồ là 2.467m^2. Việc bố mẹ tôi khai hoang đất và múc hồ để sử dụng thì mọi người sử dụng đất liền kề đều biết.

Do bố mẹ qua đời, tôi nghỉ học về nhà làm nông. Mùa tưới cà phê năm 2020 tôi thấy ông Văn Đức T tại khu vực hồ và nói rằng đất hồ nước là của ông T và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T và Nguyễn Thị L. Việc gia đình ông T chiếm đất của gia đình tôi và Ủy ban nhân dân huyện K cấp GCNQSD đất cho ông T đối với đất của gia đình tôi là hoàn toàn trái quy định của pháp luật. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho gia đình tôi toàn bộ diện tích đất lấn chiếm 2.467,3m^2, thuộc thửa đất 1080, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T và Nguyễn Thị L.

- Bị đơn ông Văn Đức T, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào khoảng từ năm 2010 đến năm 2014 (không nhớ thời gian cụ thể), tôi nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Vũ Ngọc H và bố ông H là ông Hồ Đình P tổng diện tích đất khoảng 1,4ha. Ông H là người đứng ra đại diện để thực hiện giao dịch. Trong diện tích đất đã nhận chuyển nhượng cho tôi có một phần đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất), một phần chưa có GCNQSD đất. Tuy nhiên, tôi không biết cụ thể phần nào đã có GCNQSD đất, phần nào chưa có GCNQSD đất và diện tích từng phần là bao nhiêu. Phần diện tích đất tôi nhận chuyển nhượng nằm liền cùng một vị trí. Tứ cận tổng thể tại thời điểm nhận chuyển nhượng như sau: Phía Đông giáp đất ông Bảo và ông S; Phía Tây giáp đất ông Thanh; Phía Nam giáp suối; Phía Bắc giáp đất ông Thanh;

Khi nhận chuyển nhượng thì ông H đã trực tiếp chỉ ranh giới đất cho tôi tại thực địa. Phần đất hiện đang tranh chấp nằm ở khu vực phía Nam, Giá chuyển nhượng là 140.000.000đ. Phần đất tranh chấp có diện tích 2.467,3m^2, thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, là một phần của diện tích đất tôi nhận chuyển nhượng của ông Hồ Vũ Ngọc H. Sau khi nhận chuyển nhượng thì anh H có viết giấy tay biên nhận việc chuyển nhượng đất và nhận tiền, sau đó ông H cùng cán bộ địa chính xã làm hồ sơ cấp GCNQSD đất cho tôi. Các loại giấy tờ liên quan đến việc cấp GCNQSD đất cho tôi đều do ông H làm, tôi không biết. Sau khi đã được cấp GCNQSD đất thì tôi không còn giữ giấy viết tay của ông H nữa. Hiện nay ông Hồ Đức H cho rằng diện tích đất 2.467,3m^2, thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25 mà gia đình tôi đã được cấp GCNQSD đất là của gia đình ông H là không đúng, Vì vậy tôi không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Phan Thị N, anh Hồ Sỹ Đ, anh Hồ Ngọc L, anh Hồ Quang V đồng ý với lời trình bày của ông Hồ Đức H và không bổ sung gì thêm.

2. Quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Đình P trình bày:

Giữa tôi với ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T không có quan hệ họ hàng, chỉ là người quen biết do ở cùng thôn với nhau. Gia đình ông Hồ Đức H có đất ở gần đất của gia đình chúng tôi. Còn ông Văn Đức T vào năm 2014 có nhận chuyển nhượng đất của con tôi là Hồ Vũ Ngọc H.

Về nguồn gốc đất của Hồ Vũ Ngọc H nhận chuyển nhượng cho ông T là đất của gia đình tôi tặng cho con tôi là Hồ Vũ Ngọc H. Trước đây tôi đã giao toàn bộ diện tích đất của gia đình tại thôn G, xã T (Nay là xã E) cho vợ con sử dụng, đến khoảng năm 2012 thì đã làm thủ tục tặng cho lại con là Hồ Vũ Ngọc H. Đất tặng cho bao gồm cả đất đã được cấp GCNQSD đất mang tên tôi và đất chưa được cấp GCNQSD đất, tổng diện tích tôi không nắm được. Đối với đất đã được cấp

GCNQSD đất thì gia đình đã làm thủ tục sang tên cho anh H, đối với đất chưa được cấp GCNQSD đất thì giao cho anh H sử dụng, không có giấy tặng cho. Tôi được biết sau khi nhận tặng cho thì anh H đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được tặng cho, cho vợ chồng ông Văn Đức T. Về diện tích cụ thể mà anh H chuyển nhượng cho anh T và giá chuyển nhượng thì tôi không nắm được.

Đối với phần đất hồ hiện nay đang có tranh chấp giữa ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T: Trước đây phần đất này là đất hoang, thuộc khu vực tôi khoanh vùng để có ý định khai hoang, sử dụng. Sau đó bố mẹ ông H là ông Hồ K và bà Nguyễn Thị T (Hiện nay đã mất) xin tôi múc hồ để lấy nước sử dụng. Về thời gian bố mẹ ông H xin múc hồ thì tôi không nhớ. Tại thời điểm đó, phần đất này gia đình tôi chưa khai hoang và cũng chưa kê khai để cấp GCNQSD đất. Khi bố mẹ anh H xin múc hồ để sử dụng thì gia đình tôi đồng ý. Bố mẹ ông H đã thuê máy múc để múc 01 lạch nước rộng khoảng 2m, dài khoảng 100m, một thời gian sau thì múc rộng thêm khoảng 10m. Về thời điểm bố mẹ ông H múc hồ và cải tạo hồ thì tôi không nhớ. Sau khi múc hồ thì bố me ông H đã sử dụng ổn định cho đến khi mất, còn sau đó thì tôi không biết. Tôi xác định phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông H và ông T là đất mà gia đình tôi khoanh vùng nhằm mục đích khai hoang, nhưng chưa khai hoang thì đã cho bố mẹ ông H sử dụng. Còn lý do tại sao vợ chồng ông T được cấp GCNQSD đất đối với phần đất hồ trên thì chúng tôi không biết được. Việc gia đình ông T cho rằng phần đất hồ hiện đang tranh chấp thuộc đất tôi chuyển nhượng cho ông T là không đúng.

Tôi đã được Tòa án cho kiểm tra bản sao hồ sơ cấp GCNQSD của số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T, trong đó có bản phô tô "*Giấy sang nhượng đất*" lập ngày 03/5/2005 có chữ ký, chữ viết tên tôi (Hồ Đình P), tôi xác định như sau: Tôi không chuyển nhượng đất cho ông Văn Đức T, chữ ký, chữ viết nêu trên không phải là chữ ký, chữ viết của tôi, còn do ai giả mạo thì tôi không biết.

Đất tranh chấp là do gia đình tôi cho bố mẹ ông H sử dụng từ lâu, không còn thuộc phần đất của gia đình. Tôi không liên quan đến việc chuyển nhượng đất với ông T, vì vậy tôi không liên quan đến việc tranh chấp của các bên. Về nội dung khởi kiện của các bên, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

- Ông Hồ Ngọc Vũ H và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Giữa chúng tôi với ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T không có quan hệ họ hàng, chỉ là người quen biết do ở cùng thôn với nhau. Gia đình ông Hồ Đức H có đất ở gần đất của gia đình chúng tôi. Còn ông Văn Đức T vào năm 2014 có nhận chuyển nhượng đất của gia đình chúng tôi.

Về việc chuyển nhượng đất giữa chúng tôi với ông Văn Đức T năm 2014 cụ thể như sau: Vợ chồng tôi có 04 thửa đất có tổng diện tích 8.965m^2 tại thôn G, xã E, huyện K, bao gồm thửa 234 tờ bản đồ số 16, thửa 148a, 169 và 170, tờ bản đồ số 25, đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 603205 ngày 10/5/2013. Nguồn gốc đất do nhận tặng cho của bố mẹ. Ngoài diện tích đất đã được cấp giấy chúng nhận QSD đất nêu trên thì còn có một phần diện tích chưa được cấp GCNQSD đất ở cùng khu vực. Đầu năm 2014 chúng tôi chuyển nhượng cho vợ chồng ông Văn Đức T thửa đất số 169 và 170, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích 7.340m^2, ngoài ra còn có một số diện tích đất chưa có GCNQSD đất ở liền kề khu vực các thửa đất nêu trên. Về diện tích cụ thể của phần đất chưa có GCNQSD đất thì chúng tôi không nắm được.

Đối với phần đất hồ nước hiện nay đang có tranh chấp giữa ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T cũng ở liền kề phần đất mà chúng tôi chuyển nhượng cho ông T, nhưng không nằm trong phần đất mà chúng tôi đã chuyển nhượng cho ông T. Phần đất đang tranh chấp không phải là đất của gia đình chúng tôi, mà là đất của gia đình ông Hồ Đức H, bố mẹ ông H là người múc hồ và sử dụng ổn định hơn 20 năm nay, các hộ sử dụng đất xung quanh đều biết rõ. Khi chuyển nhượng đất cho ông T thì chúng tôi cũng nói rõ cho ông T biết hồ nước không phải là đất của chúng tôi. Tôi xác định phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông H và ông T là đất của gia đình ông H. Còn lý do tại sao vợ chồng ông T được cấp GCNQSD đất đối với phần đất hồ của gia đình ông H thì chúng tôi không biết được. Việc gia đình ông T cho rằng phần đất hồ hiện đang tranh chấp thuộc đất chúng tôi chuyển nhượng cho ông T là không đúng. Đối với phần đất chúng tôi chuyển nhượng cho ông T thì chúng tôi đã nhận đủ tiền. Còn đối với phần đất hồ hiện dang tranh chấp không liên quan đến chúng tôi. Chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện K ông Lê Ngọc Tỵ trình bày*:

Ngày 03/5/2014 hộ ông Văn Đức T thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích đất 5.955,9m^2, gồm nhiều thửa đất tại tờ bản đồ số 25 xã E, huyện K theo dự án tập trung 3425. Hồ sơ cấp QSD đất được Hội đồng xét cấp GCNQSD đất và UBND xã E xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/5/2014. Trong số diện tích mà hộ ông T được xác nhận đủ điều kiện cấp QSD đất có 1.652,3m^{2}có nguồn gốc khai hoang và diện tích 4.303,6m^2 thuộc thửa đất số 1080 và 390 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2005.

Hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông Văn Đức T được thực hiện đúng trình

tự thủ tục và UBND huyện K đã cấp GCNQSD đất cho ho ông Văn Đức T, trong đó có GCNQSD đất số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T và Nguyễn Thị L, đối với thửa đất số 1080 và 390, tờ bản đồ số 25, diện tích 4.303,6m^2. UBND huyện K xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyên K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T và Nguyễn Thị L đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng ông Phạm L trình bày:*

Về quan hệ với ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T: Giữa tôi với ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T không có quan hệ họ hàng gì.

Về diện tích đất hồ nước hiện đang có tranh chấp giữa ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T, tôi có ý kiến như sau: Tôi biết bố mẹ ông Hồ Đức H là ông Hồ K và bà Nguyễn Thị T (Hiện nay đã mất) cư trú tại thôn G, xã E trước tôi. Đối với diện tích đất hồ nước hiện có tranh chấp giữa ông H và ông T, do tôi cư trú và có làm rẫy tại khu vực này từ trước đến nay nên tôi biết được như sau: Chúng tôi vào cư trú tại xã T theo diện kinh tế mới, khi chúng tôi vào cư trú tại địa phương hiện nay thì được nhà nước cấp đất để canh tác. Thời điểm đó Nhà nước không cấp đất tại khu vực suối, mục đích để quy hoạch thủy lợi. Phần hồ nước hiện nay có tranh chấp thì tại thời điểm đó chưa cấp cho ai. Phần đất tiếp giáp với hồ nước có tranh chấp là đất của ông Hồ Đình P. Đến năm 1998 thì ông Hồ K và Nguyễn Thị T đã tiến hành đào hồ nước phục vụ tưới tiêu. Đến khoảng năm 2005 ông K tiếp tục thuê máy múc cải tạo lại hồ nước. Đến thời gian sau, do những hộ liền kề tự khoan giếng tưới và do ông K mất, nên hồ nước ít có người sử dụng. Tôi xác định hồ nước hiện có tranh chấp là do ông Hồ K (Bố ông Hồ Đình H) múc để sử dụng ổn định từ năm 1998. Còn diện tích đất mà ông K sử dụng để múc hồ là của ai thì tôi không nắm được.

Tôi đã được Tòa án cho kiểm tra bản sao hồ sơ cấp QSD của GCNQSD đất số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T, trong đó có bản phô tô "*Giấy sang nhượng đất*'' lập ngày 03/5/2005 có chữ ký, chữ viết tên tôi (Phạm L), xác nhận việc chuyển nhượng đất giữa ông Hồ Đình P với ông Văn Đức T vào năm 2005 tôi xác định như sau: Tại thời điểm năm 2005 tôi chua làm thôn trưởng của thôn G. Tôi làm thôn trưởng từ năm 2011 đến năm 2021, chữ ký, chữ viết tại Giấy xác nhận nêu trên cũng như các giấy tờ khác tại Bản sao hồ sơ cấp QSD đất cho ông T không phải là chữ ký, chữ viết của tôi, còn do ai giả mạo thì tôi không biết. Ông T đến cư trú tại thôn G, xã E và nhận chuyển nhượng đất của anh Hồ Vũ Ngọc H (Con của ông Hồ Đình P), về thời điểm chuyển nhượng đất tôi không biết, nhưng không phải nhận chuyển

nhượng từ ông P năm 2005 như hồ sơ thể hiện. Về nội dung khởi kiện của các bên, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng ông Hoàng S trình bày:*

Tôi cư trú tại thôn G, xã E, huyện K từ năm 1979 đến nay. Giữa tôi với ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T không có quan hệ họ hàng gì.

Về diện tích đất hồ nước hiện đang có tranh chấp giữa ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T, chúng tôi có ý kiến như sau: Tôi biết bố mẹ ông Hồ Đức H là ông Hồ K và bà Nguyễn Thi T (Hiện nay đã mất) cư trú tại thôn G, xã E từ năm 1979 và có khai hoang canh tác đất tại khu vực gần đất của chúng tôi. Đối với diện tích đất hồ nước hiện có tranh chấp giữa ông H và ông T, do tôi có canh tác rẫy gần khu vực này từ trước đến nay nên tôi biết được như sau: Về nguồn gốc phần đất này trước đây là đất hoang, tôi cũng không biết là đất của ai. Tôi chỉ biết được là năm 1998 bố mẹ ông H là ông K và bà T đã tiến hành múc thành hồ chứa nước phục vụ việc tưới cà phê, hồ nước rộng khoảng hơn 10 mét và dài khoảng 100 mét. Đến khoảng năm 2005 ông K tiếp tục thuê máy múc cải tạo lại hồ nước. Đến thời gian sau, do những hộ liền kề tự khoan giếng tưới và do ông K mất, nên hồ nước ít có người sử dụng. Tại các thời điểm ông K thuê máy múc hồ đều có tôi và các hộ canh tác liền kề chứng kiến. Tôi xác định hồ nước hiện có tranh chấp là do ông Hồ K (Bố ông Hồ Đình H) múc để sử dụng ổn định từ năm 1998. Còn diện tích đất mà ông K sử dụng để múc hồ là của ai thì tôi không nắm được. Về nội dung đơn khởi kiện của các bên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng ông Hoàng Văn Đ trình bày:*

Tôi cư trú tại thôn G, xã E, huyện K từ năm 1979 đến nay. Giữa tôi với ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T không có quan hệ họ hàng gì.

Về diện tích đất hồ nước hiện đang có tranh chấp giữa ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T, tôi có ý kiến nhu sau: Tôi biết bố mẹ ông Hồ Đức H là ông Hồ K và bà Nguyễn Thị T (Hiện nay đã mất) cư trú tại thôn G, xã E từ năm 1979 và có khai hoang canh tác đất tại khu vực gần đất của chúng tôi. Đối với diện tích đất hồ nước hiện có tranh chấp giữa ông H và ông Thông, do tôi có canh tác rẫy gần khu vực này từ trước đến nay nên tôi biết được như sau: Về nguồn gốc phần đất này trước đây là đất hoang, tôi cũng không biết là đất của ai. Tôi chỉ biết được là năm 1998 bố mẹ ông H là ông K và bà T đã tiến hành múc thành hồ chứa nước phục vụ việc tưới cà phê, hồ nước rộng khoảng hơn 10 mét và dài khoảng 100 mét. Đến khoảng năm 2005 ông K tiếp tục thuê máy múc cải tạo lại hồ nước. Đến thời gian sau, do những hộ liền kề tự khoan giếng tưới và do ông K mất, nên hồ nước ít có người sử dụng. Tại các thời điểm ông K thuê máy múc hồ đều có tôi và các hộ canh tác liền

kề chứng kiến. Tôi xác dịnh hồ nước hiện có tranh chấp là do ông Hồ K (Bố ông Hồ Đức H) múc để sử dụng ổn định từ năm 1998. Còn diện tích đất mà ông K sử dụng để múc hồ là của ai thì tôi không nắm được. Về nội dung đơn khởi kiện của các bên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng ông Ngô Ngọc P trình bày:*

Tôi cư trú tại thôn G, xã E, huyện K từ năm 1978 đến nay. Giữa vg tôi với ông Hồ Đức H có quan hệ họ hàng xa, còn giữa tôi với ông Văn Đức T không có quan hệ họ hàng gì .

Về diện tích đất hồ nước hiện đang có tranh chấp giữa ông Hồ Đức H và ông Văn Đức T, chúng tôi có ý kiến như sau: Tôi biết bố mẹ ông Hồ Đức H là ông Hồ K và bà Nguyễn Thị T (Hiện nay đã mất) cư trú tại thôn G, xã E từ năm 1979 và có khai hoang canh tác đất tại khu vực gần đất của chúng tôi. Đối với diện tích đất hồ nước hiện có tranh chấp giữa ông H và ông T, do tôi có canh tác rẫy gần khu vực này từ trước đến nay nên tôi biết đuợc như sau: Về nguồn gốc phần đất này trước đây là đất hoang. Đến năm 1998 ông K và bà T đã tiến hành múc thành hồ chứa nước phục vụ việc tưới cà phê hồ nước rộng khoảng hơn 10 mét và dài khoảng 100 mét. Sau khi ông K và bà T múc hồ thì các hộ liền kề có sử dụng nước hồ này để tưới rẫy bao gồm có tôi, ông S, ông Đ và một số người khác. Đến khoảng năm 2005 ông K tiếp tục thuê máy múc cải tạo lại hồ nước. Sau này, do những hộ liền kề tự khoan giếng tưới và do ông K mất, nên hồ nước ít có người sử dụng. Tại các thời điểm ông K thuê máy múc hồ đều có tôi và các hộ canh tác liền kề chứng kiến.

Phần đất hồ nước của ông K và bà T có một mặt tiếp giáp với đất của ông Hồ Đình P. Tuy nhiên, tại thời điểm múc hồ thì còn cách một khoảng đất trống. Phần đất ông P đã tặng cho con là Hồ Vũ Ngọc H, sau đó ông H chuyển nhượng lại cho ông Văn Đức T từ năm 2014. Tôi biết khi chuyển nhuợng đất thì ông Hồ Đức H sử dụng ổn định từ năm 1998. Còn lý do tại sao ông T đuợc cấp quyền sử dụng đất đối với hồ nước này thì tôi không nắm được. Về nội dung khởi kiện của các bên, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 124, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 106, Điều 166, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hồ Đức H.

Công nhận thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.467,3 m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Đức H, bà Phan Thị N, anh Hồ Sỹ Đ, anh Hồ Ngọc L, anh Hồ Quang V.

Buộc ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho ông Hồ Đức H, bà Phan Thị N, anh Hồ Sỹ Đ, anh Hồ Ngọc L, anh Hồ Quang V diện tích đất 2.467,3m^2, thuộc thửa đất 1080, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hủy giấy chứng nhận số BN 605158 do UBND huyện K cấp ngày 25/9/2014 cho ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.467,3 m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.600.000đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Hồ Đức H được nhận lại số tiền 1.600.000đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) này sau khi thu được từ ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L.

Về án phí:

- Ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải nộp là 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Hồ Đức H 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0022229 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Kháng cáo:

Ngày 29-01-2024 ông Văn Đức T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm; lý do kháng cáo là bên Nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ xác định đất của cha mẹ để lại, đất là của ông Hồ Đình P khai hoang rồi cho ông K bà T (bố mẹ ông H) múc hồ; như vậy đất ông P khai hoang rồi chuyển nhượng lại cho ông sử dụng ổn định và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Đối với giấy tờ sang nhượng ngày 03/5/2005 mặc dù không phải là chữ ký của tôi (ông T), ông P, ông Phạm L, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ việc. Theo ý kiến của cán bộ địa chính xã khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận cho ông T là theo diện tập trung, theo dự án 3425, việc đo đạt cấp Giấy chứng nhận là theo thực tế sử dụng đất, không phát sinh tranh chấp với ai thời điểm đó.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Văn Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo, đồng thời có đơn đề nghị xem xét lại án phí sơ thẩm đối với ông và có đơn xin thôi nhờ Luật sư bảo vệ ở giai đoạn phúc thẩm.

Ông Hồ Đình P và ông Hồ Vũ Ngọc H trình bày tại phiên tòa phúc thẩm xác nhận đất tranh chấp diện tích đất 2.467,3m^2 là hồ nước do bên gia đình nguyên đơn đào múc hình thành nên để sử dụng, có cho bà con xung quanh cùng sử dụng chung; diện tích đất này không phải của ông P và ông H và không có việc chuyển nhượng cho ông T. Đất ông P liền kề với hồ nước và chuyển nhượng cho ông T và ông T đã làm Giấy chứng nhận khác ở một thửa khác, không liên quan đến thửa tranh chấp.

Ông Hồ Đức H trình bày tranh luận đề nghị buộc ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho gia đình ông Hồ Đức H diện tích đất 2.467,3m^2, thuộc thửa đất 1080, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014, mang tên Văn Đức T và Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, nên phiên tòa vẫn tiến hành xét xử. Đối với kháng cáo của ông Văn Đức T về nội dung tranh chấp quyên sử dụng đất là không có căn cứ; tuy nhiên về án phí sơ thẩm thì Bản án sơ thẩm đã tuyên ông T chịu 02 lần án phí là chưa đúng, đề nghị sửa lại là đương sự chịu án phí sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất 2.467,3m^2, thuộc thửa đất 1080, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; đồng thời đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 605158, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/9/2014 cho ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xem xét về nguồn gốc:

Năm 1998, ông Hồ K (sinh năm 1967, chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1974, chết năm 2019) là bố mẹ của ông Hồ Đức H khai hoang một lô đất và thuê máy đào múc đất hình thành một cải hồ nước tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để phục vụ việc tưới cà phê và cây nông nghiệp. Đến năm 2006, ông K bà T tiếp tục thuê máy để đào múc hồ rộng hơn và hoàn chỉnh với diện tích mặt hồ rộng là 2.467,3 m². Kể từ khi đào múc hồ lần đầu tiên (năm 1998), rồi đến khi múc mở rộng lần 2 (năm 2006) gia đình ông K sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, để hàng năm tưới cà phê. Đến năm 2020, ông T cho rằng hồ nước này là của gia đình ông T nên hai bên mới bắt đầu xảy ra tranh chấp.

Hiện hồ nước là toàn bộ diện tích đất 2.467,3m^2, thuộc thửa đất 1080, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, và ông T bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 25/9/2014.

[3] Xem xét các căn cứ sử dụng đất:

Ông T cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2014 (ông không nhớ thời gian cụ thể) ông nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Vũ Ngọc H (con của ông Hồ Đình P) tổng diện tích đất khoảng 1,4ha; (trong đó có diện tích đất 2.467,3m^2 là phần hồ nước, thửa số 1080, tờ bản đồ số 25) với giá chuyển nhượng là 140.000.000đ.

Nhưng tại các Biên bản lấy lời khai của ông Hồ Vũ Ngọc H và Hồ Đình P và quá trình giải quyết vụ án ông P và ông H đều khẳng định: "*Trước đây phần đất tranh chấp này là đất hoang, thuộc khu vực ông P khoanh vùng để có ý định khai hoang, sử dụng. Sau đó bố mẹ ông H là ông Hồ K và bà Nguyễn Thị T xin ông P múc hồ để lấy nước sử dụng. Tại thời điểm đó phần đất này gia đình ông P chưa khai hoang và cũng chưa kê khai để cấp QSD đất. Khi bố mẹ anh H xin múc hồ để sử dụng thì gia đình ông đồng ý. Bố mẹ ông H đã thuê máy múc để múc 01 lạch nước rộng khoảng 2m, dài khoảng 100m, một thời gian sau thì múc rộng thêm khoảng 10m. Sau khi múc hồ thì bố mẹ ông H đã sử dụng ổn định cho đến khi mất, còn sau đó thì ông không biết. Ông xác định phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông H và ông T là đất mà gia đình ông khoanh vùng nhằm mục đích khai hoang, nhưng chưa khai hoang thì đã cho bố mẹ ông H sử dụng. Còn lý do tại sao vợ chồng ông T được cấp GCNQSD đất đối với phần đất hồ trên thì ông không biết. Việc gia đình ông T cho rằng phần đất hồ hiện đang tranh chấp thuộc đất của gia đình ông chuyển nhượng cho ông T là không đúng"*.

Ngoài ra, những người làm chứng như ông Hoàng S, ông Hoàng Văn Đ; ông Hoàng S, ông Ngô Ngọc P, ông Phạm L cũng xác định: "*Hồ nước tọa lạc tại thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.467,3 m² xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là năm 1998 ông Hồ K và và Nguyễn Thị T đã tiến hành đào hồ nước*

phục vụ tưới tiêu. Đến khoảng năm 2005 ông K tiếp tục thuê máy múc cải tạo lại hồ nước. Đến thời gian sau, do những hộ liền kề tự khoan giếng tưới và do ông K mất, nên hồ nước ít có người sử dụng. Hồ nước hiện có tranh chấp là do ông Hồ K múc để sử dụng ổn định từ năm 1998đến năm 2020 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông T".

Như vậy, có đủ cơ sở xác định phần đất hồ nước tọa lạc tại thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.467,3 m² tại xã E, huyện K là do gia đình ông Hồ K bà Nguyễn Thị T đầu tư công sức đào múc hồ để trữ nước tưới tiêu sản xuất nông nghiệp. Gia đình ông K, bà T sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai từ năm 1998 đến năm 2020. Do thời điểm năm 2014 ông K bà T còn sống và đang sử dụng, quản lý hồ nước, nhưng khi lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà L, với cơ sở cho rằng ông T bà L là người đang sử dụng đất là không đúng với thực tế sử dụng đất và không đúng đối tượng đang sử dụng đất.

Hiện nay, ông K bà T đã chết nên những người thuộc diện thừa kế là ông Hồ Đức H, bà Phan Thị N, anh Hồ Sỹ Đ, anh Hồ Ngọc L, anh Hồ Quang V có quyền tiếp tục quản lý sử dụng đất trên thực tế. Tuy nhiên, do thủ tục công nhận quyền sử dụng đất là thuộc thẩm quyền của các Cơ quan quản lý đất đai theo trình tự thủ tục kê khai đăng ký đúng quy định pháp luật; do đó, người sử dụng đất cần phải liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký kê khai và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Xem xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Văn Đức T gồm: 01 đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất 03/5/2014 thể hiện: "*Người làm đơn là ông Văn Đức T, có xác nhận của Ban tự quản thôn G là ông Phạm L"*; 01 Giấy sang nhượng đất ngày 03/5/2005 (viết bằng tay):"*Có chữ ký, chữ viết mang tên người chuyển nhượng là ông Hồ Đình P, người mua Văn Đức T và xác nhận của Ban tự quản thôn G là ông Phạm L*; Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông T khẳng định: ông T chỉ nhận chuyển nhượng đất của ông Hồ Đình P và anh Hồ Vũ Ngọc H khoảng từ năm 2010 đến năm 2014, trước đó thì không có mua bán đất đai gì với ông Hồ Đình P và anh Hồ Vũ Ngọc H. Trong khi đó, ông Hồ Đình P và ông Hồ Vũ Ngọc H cũng đều khẳng định là chỉ chuyển nhượng diện tích đất tại thửa 169, 170 với tổng diện tích là 7.340 m² vào năm 2014 và không chuyển nhượng phần diện tích đất có hồ nước là 2.467,3 m² tại thôn G, xã E cho ông T. Đồng thời ông P xác định là không có ký giấy tờ gì về việc sang nhượng đất với ông T vào năm 2005. Mặt khác, ông Phạm L cũng cho rằng:"*Tại thời điểm năm*

2005 ông chưa làm thôn trưởng của thôn G. Ông làm thôn trưởng từ năm 2011 đến năm 2021, chữ ký, chữ viết tại Giấy xác nhận nêu trên cũng như các giấy tờ khác tại Bản sao hồ sơ cấp QSD đất cho ông T không phải là chữ ký, chữ viết của ông, còn do ai giả mạo thì ông không biết".

Như vậy, cả người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng và người làm chứng xác nhận là không có sự việc chuyển nhượng, mua bán đất đai nào giữa ông P, ông H, ông T vào năm 2005. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện K dựa vào "Giấy sang nhượng đất ngày 03/5/2005" để cấp giấy chứng nhận số BN 605158 ngày 25/9/2014 cho ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 1080, tờ bản đố số 25, diện tích 2.467,3 m² xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là không đúng, không đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và không đúng đối tượng đang sử dụng đất. Bản án sơ thẩm hủy giấy chứng nhận số BN 605158 do UBND huyện K cấp ngày 25/9/2014 cho ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.467,3 m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng năm 2015 thì bị đơn ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.600.000 đồng. Ông Hồ Đức H được nhận lại số tiền 1.600.000 đồng (ông H nộp tại Tòa án huyện K) này sau khi thu được từ ông T, bà L.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bản án sơ thẩm buộc ông T bà L phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng và án phí có giá ngạch số tiền 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5%) là buộc bị đơn chịu 2 lần án phí là không đúng trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, cần phải chấp nhận phần kháng cáo này của bị đơn, chỉnh sửa một phần bản án sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hồ Đức H 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0022229 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Do chấp nhận một phần kháng cáo, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông T được khấu trừ vào án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Văn Đức T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về án phí sơ thẩm.

2. Áp dụng vào Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, khoản 2 Điều 106, Điều 166, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

2.1- Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hồ Đức H.

Buộc ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho ông Hồ Đức H, bà Phan Thị N, anh Hồ Sỹ Đ, anh Hồ Ngọc L, anh Hồ Quang V diện tích đất 2.467,3m^2, thuộc thửa đất 1080, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hủy giấy chứng nhận số BN 605158 do UBND huyện K cấp ngày 25/9/2014 cho ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.467,3 m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.2- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.600.000đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Hồ Đức H được nhận lại số tiền 1.600.000đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) này, sau khi thu được từ ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L.

2.3- Về án phí:

Ông Văn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006488 ngày 28-02-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông T và bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hồ Đức H 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0022229 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ II-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện K, tỉnh Đắk Lắk
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long